

PHỤ LỤC 1

Lĩnh vực bưu chính

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BTTTT ngày 29/6/2018
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chế độ báo cáo thống kê
ngành Thông tin và Truyền thông)

I. Danh mục biểu mẫu áp dụng đối với Vụ Bưu chính và Sở TTTT

Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ Báo cáo chính thức	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo	Thời gian nhận báo cáo	Ghi chú
A	B	C	D	E	F	G
BCCP -01	Tổng hợp (cả nước) số lượng doanh nghiệp bưu chính	Năm	Vụ BC	Vụ KHTC, TTTT	Ngày 15/3 năm sau	
BCCP -02.1	Tổng hợp (địa bàn) sản lượng, doanh thu bưu chính	Quý, Năm	Sở TTTT	UBND cấp tỉnh, Cục Thống kê cấp tỉnh	Quý: ngày 15 tháng sau quý Năm: ngày 25/3 năm sau	
BCCP -02.2	Tổng hợp (cả nước) sản lượng, doanh thu bưu chính - theo loại hình kinh tế	Quý, Năm	Vụ BC	Vụ KHTC	Quý: ngày 15 tháng sau quý Năm: ngày 25/3 năm sau	
BCCP -03.1	Tổng hợp (địa bàn) số lượng lao động, điểm phục vụ, nộp ngân sách nhà nước trong lĩnh vực bưu chính	Năm	Sở TTTT	UBND cấp tỉnh, Cục Thống kê cấp tỉnh	Ngày 25/3 năm sau	

Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ Báo cáo chính thức	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo	Thời gian nhận báo cáo	Ghi chú
BCCP -03.2	Tổng hợp (cả nước) số lượng lao động, điểm phục vụ, nộp ngân sách nhà nước trong lĩnh vực bưu chính theo địa bàn tỉnh/thành phố	Năm	Vụ BC	Vụ KHTC, TTTT	Ngày 25/3 năm sau	

II. Danh mục biểu mẫu áp dụng đối với doanh nghiệp

Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo chính thức	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo	Thời gian nhận báo cáo	Ghi chú
A	B	C	D	E	F	G
BCCP -02	Sản lượng, doanh thu bưu chính	Quý, Năm	Doanh nghiệp, tổ chức hoạt động bưu chính	Vụ BC, Sở TTTT	Quý: ngày 10 tháng sau quý Năm: ngày 15/3 năm sau	
BCCP -03	Số lượng lao động, điểm phục vụ, nộp ngân sách nhà nước trong lĩnh vực bưu chính theo địa bàn tỉnh/thành phố	Năm	Doanh nghiệp, tổ chức hoạt động bưu chính	Vụ BC, Sở TTTT	Ngày 15/3 năm sau	

BIỂU MẪU, GIẢI THÍCH BIỂU MẪU

Biểu BCCP-01

Ban hành theo Thông tư
10/2018/TT-BTTTT

**TỔNG HỢP (CẢ NƯỚC)
SỐ LƯỢNG DOANH NGHIỆP
BƯU CHÍNH**

Đơn vị báo cáo:
Vụ BC

Ngày nhận báo cáo:
ngày 15/3 năm sau

Năm 20...

Đơn vị nhận báo cáo:
Vụ KHTC, TTTT

Stt	Địa bàn	Mã địa bàn	Số lượng doanh nghiệp bưu chính	Trong đó			Số lượng doanh nghiệp được cấp giấy phép bưu chính, văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính trong năm	Số lượng doanh nghiệp bưu chính ngừng hoạt động trong năm
				Doanh nghiệp được cấp giấy phép bưu chính	Doanh nghiệp được cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	Chi nhánh, văn phòng đại diện được cấp giấy xác nhận thông báo hoạt động bưu chính		
A	B	C	1	2	3	4	5	6
	TỔNG CỘNG							
	<i>Chia ra</i>							
1	Hà Nội	01						
2	Hà Giang	02						
...						
63	Cà Mau	96						

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ và tên,
số điện thoại liên lạc)

Hà Nội, ngày...tháng... năm 20...
VỤ TRƯỞNG
(Ký, họ và tên)

1. Khái niệm, phương pháp tính

Doanh nghiệp bưu chính là doanh nghiệp, tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép bưu chính, văn bản xác nhận hoạt động bưu chính (trong chế độ báo cáo này - gọi chung là doanh nghiệp bưu chính)

2. Cách ghi biểu

Cột A: Ghi thứ tự các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

Cột B: Ghi tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

Cột C: Ghi mã tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. Ghi theo Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg

Cột 1: Ghi số lượng doanh nghiệp bưu chính có trụ sở chính và số lượng chi nhánh, văn phòng đại diện đóng tại địa bàn tỉnh/thành phố tại cột B

Cột 2: Ghi số lượng doanh nghiệp tương ứng được cấp giấy phép bưu chính

Cột 3: Ghi số lượng doanh nghiệp tương ứng được cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính

Cột 4: Ghi số lượng chi nhánh, văn phòng đại diện tương ứng được cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính

Cột 5: Ghi số lượng doanh nghiệp bưu chính được cấp giấy phép bưu chính, văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính - trong năm

Cột 6: Ghi số lượng doanh nghiệp bưu chính đã được cấp giấy phép bưu chính, văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính - đã ngừng hoạt động trong năm

Ghi số liệu dòng Tổng cộng

Sau khi ghi xong thông tin cho 63 địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, tiến hành ghi thông tin dòng Tổng cộng

Các cột 1, 2, 3, 4, 5, 6: cộng số liệu trên các dòng của từng cột, ghi số tổng lên ô tương ứng dòng Tổng cộng

3. Nguồn số liệu lập biểu

Từ kết quả các thủ tục hành chính có liên quan và dữ liệu theo dõi sau cấp phép do Vụ BC và các Sở TTTT thực hiện. Số liệu tính đến thời điểm ngày 31/12 của năm báo cáo

Vụ BC lập biểu gửi Vụ KHTC và TTTT, đồng thời gửi TTTT tệp danh sách doanh nghiệp bưu chính tương ứng

TTTT đăng tải số liệu biểu này và tệp danh sách doanh nghiệp tại Cổng TTĐT Bộ TTTT theo quy định.

Biểu BCCP-02.1
Ban hành theo Thông tư
10/2018/TT-BTTTT

**TỔNG HỢP (ĐỊA BÀN)
SẢN LƯỢNG, DOANH THU
BƯU CHÍNH**

Đơn vị báo cáo:
Sở TTTT tỉnh/TP...

Ngày nhận báo cáo:
Báo cáo quý:
ngày 15 tháng sau quý
Báo cáo năm:
ngày 25/3 năm sau

**Quý .../20...
Năm 20...**

Đơn vị nhận báo cáo:
UBND cấp tỉnh,
Cục Thống kê cấp tỉnh

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
A	B	C	1	2
1	Sản lượng dịch vụ bưu chính			
1.1	Thư trong nước	thư		
1.2	Thư từ Việt Nam đi các nước	thư		
1.3	Thư từ các nước đến Việt Nam	thư		
1.4	Gói, kiện hàng hóa trong nước	kiện		
1.5	Gói, kiện hàng hóa từ Việt Nam đi các nước	kiện		
1.6	Gói, kiện hàng hóa từ các nước đến Việt Nam	kiện		
2	Doanh thu dịch vụ bưu chính	triệu đồng		
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Doanh thu dịch vụ thư	triệu đồng		
2.2	Doanh thu gói, kiện hàng hóa trong nước	triệu đồng		
2.3	Doanh thu gói, kiện hàng hóa từ Việt Nam đi các nước	triệu đồng		
2.4	Doanh thu gói, kiện hàng hóa từ các nước đến Việt Nam	triệu đồng		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ và tên,
số điện thoại liên lạc)

NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU
(Ký, họ và tên, chức danh)

..., ngày...tháng... năm 20...
GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Nguồn số liệu lập biểu

Biểu được tổng hợp tương ứng từ biểu “”Sản lượng, doanh thu bưu chính” (ký hiệu BCCP-02) các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực bưu chính đã gửi Sở TTTT

Gửi báo cáo

Sở TTTT lập biểu báo cáo gửi UBND và Cục Thống kê tỉnh/thành phố.

Biểu BCCP-02.2
Ban hành theo Thông tư
10/2018/TT-BTTTT

TỔNG HỢP (CẢ NƯỚC)
SẢN LƯỢNG, DOANH THU
BƯU CHÍNH
- THEO LOẠI HÌNH KINH TẾ

Đơn vị báo cáo:
Vụ BC

Ngày nhận báo cáo:
Báo cáo quý:
ngày 15 tháng sau quý
Báo cáo năm:
ngày 25/3 năm sau

Quý ... /20...
Năm 20...

Đơn vị nhận báo cáo:
Vụ KHTC

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
				Kinh tế nhà nước	Kinh tế ngoài nhà nước	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	
A	B	C	1=2+3+4	2	3	4	5
1	Sản lượng dịch vụ bưu chính						
1.1	Thư trong nước	thư					
1.2	Thư từ Việt Nam đi các nước	thư					
1.3	Thư từ các nước đến Việt Nam	thư					
1.4	Gói, kiện hàng hóa trong nước	kiện					
1.5	Gói, kiện hàng hóa từ Việt Nam đi các nước	kiện					
1.6	Gói, kiện hàng hóa từ các nước đến Việt Nam	kiện					
2	Doanh thu dịch vụ bưu chính	triệu đồng					
	<i>Trong đó:</i>						
2.1	Doanh thu dịch vụ thư	triệu đồng					
2.2	Doanh thu gói, kiện hàng hóa trong nước	triệu đồng					
2.3	Doanh thu gói, kiện hàng hóa từ Việt Nam đi các nước	triệu đồng					
2.4	Doanh thu gói, kiện hàng hóa từ các nước đến Việt Nam	triệu đồng					

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ và tên,
số điện thoại liên lạc)

Hà Nội, ngày...tháng... năm 20...

VỤ TRƯỞNG
(Ký, họ và tên)

1. Khái niệm, phương pháp tính

a) Kinh tế nhà nước, gồm tập hợp các doanh nghiệp thuộc một trong các loại hình:

- + Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) 1 thành viên 100% vốn nhà nước Trung ương

- + Công ty TNHH 1 thành viên 100% vốn nhà nước địa phương

- + Công ty cổ phần, công ty TNHH có vốn nhà nước > 50%

- + Công ty nhà nước (Trung ương, địa phương)

b) Kinh tế ngoài nhà nước, gồm tập hợp các doanh nghiệp thuộc một trong các loại hình:

- + Hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã

- + Doanh nghiệp tư nhân

- + Công ty hợp danh

- + Công ty TNHH tư nhân, Công ty TNHH có vốn nhà nước $\leq 50\%$

- + Công ty cổ phần không vốn nhà nước

- + Công ty cổ phần có vốn nhà nước $\leq 50\%$

c) Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, gồm tập hợp các doanh nghiệp thuộc một trong các loại hình:

- + Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài

- + Doanh nghiệp nhà nước liên doanh với nước ngoài

- + Doanh nghiệp khác liên doanh với nước ngoài

(Việc phân loại doanh nghiệp bưu chính theo loại hình kinh tế - căn cứ dữ liệu theo dõi sau cấp phép của Vụ BC)

2. Cách ghi biểu

Cột 1: Ghi số liệu tổng hợp của tất cả các doanh nghiệp

Cột 2: ghi số liệu tổng hợp của các doanh nghiệp thuộc nhóm kinh tế nhà nước

Cột 3: ghi số liệu tổng hợp của các doanh nghiệp thuộc nhóm kinh tế ngoài nhà nước

Cột 4: ghi số liệu tổng hợp của các doanh nghiệp thuộc nhóm kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Lưu ý: số liệu cột 1 = số liệu cột 2 + số liệu cột 3 + số liệu cột 4

3. Nguồn số liệu lập biểu

Biểu được tổng hợp tương ứng từ biểu “Sản lượng, doanh thu bưu chính” (ký hiệu BCCP-02) các doanh nghiệp đã gửi Vụ BC

Vụ BC lập biểu gửi Vụ KHTC và tệp số liệu biểu tương ứng. Vụ KHTC lập báo cáo thống kê cấp quốc gia về bưu chính theo quy định.

Biểu BC-03.1

Ban hành theo Thông
tư 10/2018/TT-
BTTTT

Ngày nhận báo cáo:
ngày 25/3 năm sau

**TỔNG HỢP (ĐỊA BÀN)
SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG,
ĐIỂM PHỤC VỤ, NỢP NGÂN SÁCH
TRONG LĨNH VỰC BƯU CHÍNH**

Năm 20...

Đơn vị báo cáo:
Sở TTTT tỉnh/TP...

Đơn vị nhận báo cáo:
UBND cấp tỉnh,
Cục Thống kê cấp tỉnh

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
A	B	C	1	2
1	Số lượng lao động bưu chính	người		
1.1	Trong đó, lao động nữ	người		
2	Số lượng điểm phục vụ bưu chính	điểm		
	Trong đó			
2.1	Bưu cục	điểm		
2.2	Điểm Bưu điện văn hóa xã	điểm		
2.3	Điểm phục vụ bưu chính loại hình khác	điểm		
3	Số tiền nộp ngân sách nhà nước trong lĩnh vực bưu chính	triệu đồng		
4	Số dân phục vụ bình quân trên 01 điểm phục vụ bưu chính	người		

..., ngày...tháng... năm 20...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ và tên,
số điện thoại liên lạc)

NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU
(Ký, họ và tên, chức danh)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Nguồn số liệu lập biểu

Biểu được tổng hợp tương ứng từ biểu “Số lượng lao động, điểm phục vụ, nộp ngân sách nhà nước trong lĩnh vực bưu chính theo địa bàn tỉnh/thành phố” (ký hiệu BCCP-03) các doanh nghiệp bưu chính đã gửi Sở TTTT

Số liệu dân số của tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (để tính số dân phục vụ bình quân trên 01 điểm phục vụ bưu chính) lấy theo số liệu tương ứng do Cục Thống kê tỉnh/thành phố công bố hoặc cung cấp theo quy định

Gửi báo cáo

Sở TTTT lập biểu gửi UBND, Cục Thống kê tỉnh/thành phố.

Biểu BCCP-03.2

Ban hành theo Thông tư
10/2018/TT-BTTTT

Ngày nhận báo cáo:
ngày 25/3 năm sau

TỔNG HỢP (CẢ NƯỚC)
SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG, ĐIỂM PHỤC VỤ BƯU CHÍNH,
NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC BƯU CHÍNH
THEO ĐỊA BÀN TỈNH/THÀNH PHỐ

Đơn vị báo cáo: Vụ BC

Đơn vị nhận báo cáo: Vụ KHTC, TTTT

Năm 20...

Stt	ĐỊA BÀN	Mã địa bàn	Lao động trong lĩnh vực bưu chính		Tổng số tiền nộp ngân sách nhà nước trong lĩnh vực bưu chính (triệu đồng)	Điểm phục vụ bưu chính				Số dân phục vụ bình quân trên 1 điểm phục vụ bưu chính
			Tổng số (người)	Trong đó: nữ		Tổng số (điểm)	Trong đó			
							Bưu cục	Điểm BĐVH xã	Loại hình điểm phục vụ khác	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG									
	Trong đó									
1	Hà Nội	01								
2	Hà Giang	02								
...								
63	Cà Mau	96								

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ và tên,
số điện thoại liên lạc)

Hà Nội, ngày...tháng...năm 20...

VỤ TRƯỞNG
(Ký, họ và tên)

1. Khái niệm, phương pháp tính

Số dân phục vụ bình quân trên 1 điểm phục vụ bưu chính là số người dân trung bình được một điểm bưu chính phục vụ (tính bằng thương số giữa dân số và số lượng điểm phục vụ tại địa bàn tương ứng)

2. Cách ghi biểu, nguồn số liệu

Biểu được tổng hợp tương ứng từ biểu “Số lượng lao động, điểm phục vụ, nộp ngân sách nhà nước trong lĩnh vực bưu chính theo địa bàn tỉnh/thành phố” (ký hiệu BCCP-03) các doanh nghiệp đã gửi Vụ BC

Số liệu dân số cả nước và số chi tiết theo tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (để tính chỉ tiêu thống kê số dân phục vụ bình quân trên 01 điểm phục vụ bưu chính) lấy theo số liệu tương ứng do Tổng cục Thống kê công bố hoặc cung cấp

Vụ BC lập biểu gửi Vụ KHTC, TTTT

TTTT đăng tải tệp dữ liệu biểu tại Cổng TTĐT Bộ TTTT theo quy định.

Biểu BCCP-02

Ban hành theo Thông tư
10/2018/TT-BTTTT

**SẢN LƯỢNG, DOANH THU
BƯU CHÍNH**

Đơn vị báo cáo:
Doanh nghiệp, tổ chức
hoạt động bưu chính...

Ngày nhận báo cáo:

Báo cáo quý:

ngày 10 tháng sau quý

Báo cáo năm:

ngày 15/3 năm sau

Quý ... /20...

Năm 20...

Đơn vị nhận báo cáo:

Vụ BC, Sở TTTT

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
A	B	C	1	2
1	Sản lượng dịch vụ bưu chính			
1.1	Thư trong nước	thư		
1.2	Thư từ Việt Nam đi các nước	thư		
1.3	Thư từ các nước đến Việt Nam	thư		
1.4	Gói, kiện hàng hóa trong nước	kiện		
1.5	Gói, kiện hàng hóa từ Việt Nam đi các nước	kiện		
1.6	Gói, kiện hàng hóa từ các nước đến Việt Nam	kiện		
2	Doanh thu dịch vụ bưu chính	triệu đồng		
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Doanh thu dịch vụ thư	triệu đồng		
2.2	Doanh thu gói, kiện hàng hóa trong nước	triệu đồng		
2.3	Doanh thu gói, kiện hàng hóa từ Việt Nam đi các nước	triệu đồng		
2.4	Doanh thu gói, kiện hàng hóa từ các nước đến Việt Nam	triệu đồng		

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ và tên,
số điện thoại liên lạc)

NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU

(Ký, họ và tên, chức danh)

..., ngày...tháng... năm 20...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

1. Khái niệm, phương pháp tính

Sản lượng dịch vụ bưu chính gồm sản lượng dịch vụ thư và dịch vụ kiện, gói hàng hóa do các đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính thực hiện trong kỳ báo cáo

Doanh thu dịch vụ bưu chính là tổng số tiền đã và sẽ thu về do việc cung cấp dịch vụ bưu chính trong nước và quốc tế cho khách hàng của các đơn vị trong kỳ báo cáo

2. Cách ghi biểu

Cột 1: ghi số liệu về sản lượng, doanh thu dịch vụ bưu chính thực hiện trong kỳ báo cáo

Lưu ý:

Đối với các chỉ tiêu sản lượng dịch vụ, đơn vị tính là (cái) thư/kiện hàng hóa

Đối với các chỉ tiêu doanh thu dịch vụ, đơn vị tính (sử dụng thống nhất) là triệu đồng Việt Nam

3. Nguồn số liệu lập biểu

Từ kết quả hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực bưu chính trong kỳ báo cáo

Doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực bưu chính lập biểu gửi Vụ BC, đồng thời gửi Sở TTTT nơi doanh nghiệp, tổ chức hoạt động bưu chính đóng trụ sở chính.

Biểu BCCP-03

Ban hành theo Thông tư
10/2018/TT-BTTTT

**SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG, ĐIỂM PHỤC VỤ,
NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC BƯU CHÍNH
THEO ĐỊA BÀN TỈNH/THÀNH PHỐ**

Đơn vị báo cáo:

Doanh nghiệp, tổ chức hoạt động
bưu chính...

Ngày nhận báo cáo:
ngày 15/3 năm sau

Năm 20...

Đơn vị nhận báo cáo:

Vụ BC, Sở TTTT

Stt	ĐỊA BÀN	Mã địa bàn	Lao động trong lĩnh vực bưu chính		Tổng số tiền nộp ngân sách nhà nước trong lĩnh vực bưu chính (triệu đồng)	Điểm phục vụ bưu chính				Ghi chú
			Tổng số (người)	Trong đó: nữ		Tổng số (điểm)	Trong đó			
							Bưu cục	Điểm BĐVHX	Loại hình điểm phục vụ khác	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG									
	Chia ra									
1	Hà Nội	01								
2	Hà Giang	02								
...								
63	Cà Mau	96								

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ và tên,
số điện thoại liên lạc)

NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU

(Ký, họ và tên, chức danh)

..., ngày...tháng...năm 20...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

1. Khái niệm, phương pháp tính

Số tiền nộp ngân sách nhà nước về hoạt động bưu chính là toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản nộp ngân sách khác của doanh nghiệp, tổ chức hoạt động bưu chính phải nộp cho Nhà nước theo quy định của pháp luật trong kỳ báo cáo

Số tiền nộp ngân sách nhà nước đối với từng tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương là số tiền mà doanh nghiệp phải nộp vào ngân sách nhà nước trong kỳ báo cáo tại địa phương đó theo quy định

Số lao động trong lĩnh vực bưu chính là tổng số nhân sự làm việc toàn thời gian trong các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực bưu chính

Số lao động đối với từng tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương là số lao động làm việc tại địa phương đó trong kỳ, bằng trung bình giữa số lượng lao động đầu kỳ và số cuối kỳ báo cáo

Điểm phục vụ bưu chính là nơi chấp nhận, phát bưu gửi (bao gồm bưu cục, ki-ốt, đại lý, thùng thư công cộng và hình thức khác để chấp nhận, phát bưu gửi), được tính bằng số lượng điểm phục vụ bưu chính của doanh nghiệp tại địa bàn tính đến thời điểm ngày 31/12 của năm báo cáo

Điểm bưu điện - văn hóa xã là điểm thuộc mạng bưu chính công cộng do Nhà nước giao Tổng công ty Bưu điện Việt Nam xây dựng, duy trì và quản lý. Thực hiện các nhiệm vụ: Cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, các dịch vụ kinh doanh khác; tổ chức các hoạt động đọc sách, báo, ấn phẩm, truy nhập Internet; tiếp nhận, triển khai các chương trình, dự án phục vụ phát triển thông tin và truyền thông tại khu vực nông thôn và các chương trình dự án khác của nhà nước về nông thôn

2. Cách ghi biểu

Cột A: Ghi thứ tự các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

Cột B: Ghi tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

Cột C: Ghi mã tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. Ghi theo Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg

Các cột 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7: ghi thông tin tương ứng lao động, nộp ngân sách, điểm phục vụ bưu chính tương ứng tại địa bàn tỉnh/thành phố ở cột B. Cụ thể như sau:

Ghi thông tin dòng Tổng cộng

Sau khi ghi đủ thông tin cho 63 địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, tiến hành ghi thông tin dòng Tổng cộng

Các cột 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7: cộng giá trị tại các ô thuộc từng cột, ghi số tổng lên ô tương ứng dòng Tổng cộng

3. Nguồn số liệu lập biểu

Số liệu được lập từ kết quả hoạt động bưu chính của doanh nghiệp năm báo cáo

Doanh nghiệp lập biểu gửi Vụ BC, đồng thời gửi Sở TTTT nơi doanh nghiệp, tổ chức hoạt động bưu chính có điểm phục vụ bưu chính.